



Tuần 10 (07/03-11/03/22)

BSC WEEKLY REVIEW

Tác động của việc gia tăng chi phí vận chuyển trên thế giới



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Vận động nhanh cùng dòng tiền*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tác động của việc gia tăng chi phí vận chuyển trên thế giới*
3. PTKT VN-INDEX: *Tiếp tục tích lũy chờ thông tin trong khoảng 1,485 – 1,515 điểm*
4. TIN VĨ MÔ: *NHTW Nga (CBR) đã nâng lãi suất cơ bản từ 9.5% lên 20%*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *7/7 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Tài nguyên cơ bản 8.68%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Diamond, Fubon, Finlead tăng quy mô*
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG
9. PHỤ LỤC: *ETFs FTSE quý I năm 2022*

CHIẾN THUẬT TUẦN: Vận động nhanh cùng dòng tiền

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1505.33	0.43%
GTGD/phiên (tỷ VND)	26,591.83	3.65%
Khối ngoại (tỷ VND)	-789.47	
HNX-INDEX	450.59	2.31%
GTGD/phiên (tỷ VND)	3357.29	-2.43%
Khối ngoại (tỷ VND)	-18.25	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4328.87	-0.79%	-1.27%	-3.32%
EU (EURO STOXX)	3556.01	-4.96%	-10.44%	-12.98%
China (SHCOMP)	3447.65	-0.96%	-0.96%	2.56%
Japan (NIKKEI)	25985.47	-2.23%	-1.85%	-5.62%
Korea (KOSPI)	2713.43	-1.22%	1.37%	0.21%
Singapore (STI)	3226.78	-0.83%	-2.05%	-3.14%
Thailand (SET)	1671.72	-1.44%	-0.49%	0.16%
Phillipines (PCOMP)	7342.01	-0.62%	1.80%	-0.55%
Malaysia (KLCI)	1603.94	-0.90%	0.77%	5.33%
Indonesia (JCI)	6928.33	0.87%	0.12%	3.29%
Vietnam (VNIndex)	1505.33	0.02%	0.43%	1.78%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2112	0.00	-100.00%	20,172	30,404
VN30F2201	0.00	-100.00%	36	309
VN30F2203	1513.00	-0.81%	9	607
VN30F2206	1508.70	-1.09%	9	250

TTCK VIỆT NAM

Tâm lý ổn định, dòng tiền vận động nhanh tại các ngành hưởng lợi ngắn hạn

Tâm lý lo ngại về cuộc xung đột Nga – Ukraine dần đi qua nhường chỗ cho vận động của dòng tiền tại các lĩnh vực được hưởng lợi trong ngắn hạn. VN-Index tăng nhẹ trở lại 0.4% nhưng chứng kiến sự phục hồi trên diện rộng của nhiều cổ phiếu. 15/19 ngành tăng điểm trong đó có 264 cổ phiếu tăng so 134 cổ phiếu giảm. Các ngành tài nguyên cơ bản, hóa chất, hàng và dịch vụ công nghiệp có mức tăng từ 3% – 8% trong khi Du lịch và giải trí và Ngân hàng giảm điểm kìm hãm đà hồi phục của chỉ số. Tâm lý thị trường dần ổn định dù vậy các yếu tố tâm lý từ bên ngoài, dòng tiền thiếu đồng thuận vẫn là yếu tố kìm hãm khiến VN-Index sẽ còn vận động khoảng 1,485 – 1,515 điểm trong tuần tới trong quá trình chờ thông tin hỗ trợ.

Quỹ FTSE Russell công bố danh mục điều chỉnh quý I năm 2022, theo đó quỹ FTSE VN thêm mới DPM, VCB, VND và không loại cổ phiếu nào. Dự báo này nằm ngoài tính toán của chúng tôi do DPM tăng giá mạnh và VCG có tỷ lệ freefloat 49% so với 40% tính toán khiến 2 cổ phiếu này lọt vào danh mục do có vốn hóa trước điều chỉnh lớn hơn 1% danh mục. Quỹ sẽ thực hiện cơ cấu danh mục từ 7-18/3/2022. (**Chi tiết phụ lục**)

TTCK THẾ GIỚI

Hàng loạt các biện pháp trừng phạt vào Nga, nhiều hàng hóa tăng giá mạnh (Tham khảo chuyên đề báo cáo tuần)

TTCK và Châu Á hồi phục lại sau khi giảm mạnh tuần trước thông tin xung đột Nga – Ukraine dù vậy TTCK Châu Âu vẫn giảm 2%. Ngoài diễn biến xung đột, các biện pháp trừng phạt thì TTCK thế giới còn bị tác động bởi việc FED sẽ nâng lãi suất vào giữa tháng 3. Chỉ số hàng hóa Bcomp Index tăng mạnh 10.1%, trong đó đóng góp chủ yếu từ mức tăng bình quân 19% của dầu thô, khí gas và mức tăng 59% của lúa mì. Chỉ số USD Index tiếp tục tăng 1.5%, và duy trì mức tăng 28.5% so với đồng Rub (Nga). Sau diễn biến tâm lý tuần trước, các biện pháp trừng phạt trong tuần này đã tác động mạnh lên thị trường hóa cũng như đồng nội tệ của Nga.

Nga và Ukraine kết thúc hòa đàm vòng 2 và chưa đạt được thỏa thuận nào ngoại trừ nhất trí mở các hành lang nhân đạo. Viện nghiên cứu kinh tế và xã hội Quốc gia Anh nhận định xung đột ở Ukraine có thể gây tổn thất 1 nghìn tỷ USD, thúc đẩy lạm phát toàn cầu tăng thêm 3% trong năm 2022 vì châm ngòi cho cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng. Trước áp lực lạm phát, FED vẫn dự định nâng lãi suất tại cuộc họp tháng 3/2022 và thu hẹp số dư trên bảng cân đối kế toán theo lộ trình có thể đoán trước bất chấp “những khó khăn to lớn” từ cuộc xung đột.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA TĂNG CHI PHÍ VẬN CHUYỂN TRÊN THẾ GIỚI

Trước những biện pháp trừng phạt về kinh tế từ Mỹ, châu Âu đối với Nga trong thời gian gần đây đã làm dấy lên lo ngại về một chu kỳ tăng giá mới của nhiều loại hàng hóa. Ngày 01/03/2022, ba hãng tàu biển lớn nhất thế giới gồm MSC, Maersk và CMA CGM đã thông báo tạm ngừng vận chuyển hàng hóa đến và đi từ Nga điều này mang đến những thông tin không mấy tích cực cho chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu vốn đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch. Thị trường chứng khoán Việt Nam và những Doanh nghiệp sẽ cần chú ý những gì trong giai đoạn tiếp theo?

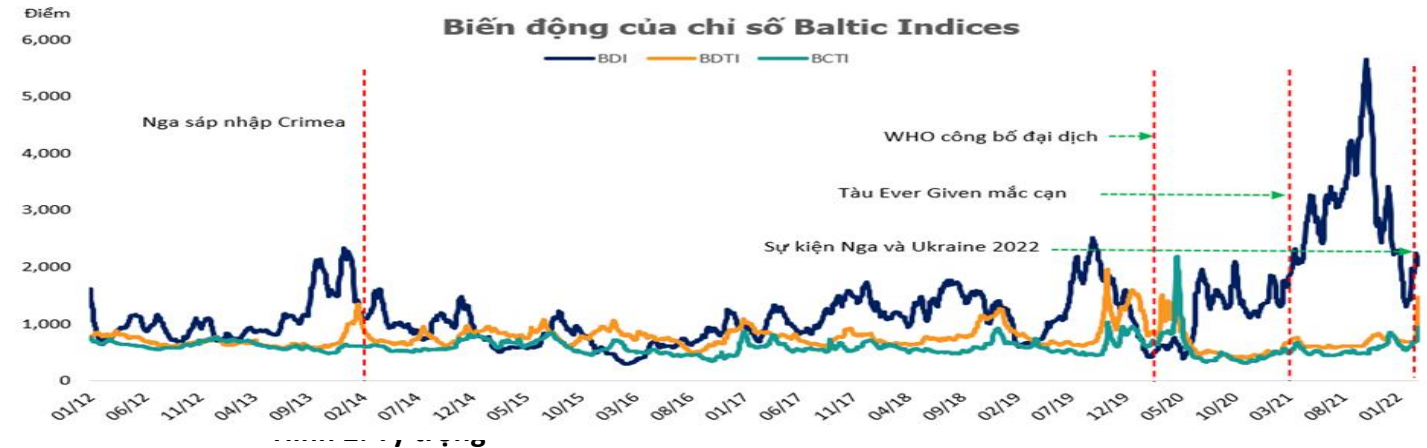
1. Nhìn lại sự biến động của chỉ số Baltic Indices

Bộ chỉ số Baltic (Baltic Indices) gồm 03 chỉ số chính: **Baltic Dry Index** (BDI – chỉ số giá cước vận tải/thuê tàu hàng khô), **Baltic Dirty Tanker Index** (BDTI – chỉ số giá cước vận tải dầu thô) và **Baltic Clean Tanker Index** (BCTI – chỉ số giá cước vận tải dầu sản phẩm) là một những bộ chỉ số cơ sở quan trọng, đang được sử dụng rộng rãi để đo lường chi phí vận chuyển của hàng hóa qua đó gián tiếp đánh giá được tình hình cung/cầu đang giao dịch trên thế giới.

BSC đánh giá: Sự kiện Nga sáp nhập Crimea ít tác động đến diễn biến bộ chỉ số, tuy nhiên các sự kiện trong thời gian trở lại đây như: đại dịch Covid-19, tàu Ever Given mắc cạn, sự kiện Nga và Ukraine 2022 lại có tác động đáng kể, đặc biệt là BDTI.

Cả 3 chỉ số đều có mức tăng mạnh kể từ thời điểm Nga tiến hành chiến dịch quân sự vào Ukraine, trong đó BDTI tăng mạnh nhất tính đến ngày 02/03/2022 chỉ số này tăng hơn 111% so với thời điểm 5 ngày trước khi sự kiện xảy ra. Điều này cho thấy nhu cầu vận tải dầu thô rất lớn và tác động của tình hình chiến sự tại Nga – Ukraine đã có ảnh hưởng ngay lập tức.

Biểu đồ 1: Diễn biến TTCK và một số hàng hóa liên quan đến sự kiện Nga sáp nhập Crimea



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Biểu đồ 2: Diễn biến chỉ số Baltic khi Nga tiến hành chiến dịch quân sự vào Ukraine

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ BALTIC KHI NGA TIẾN HÀNH CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ VÀO UKRAINE

STT	Chỉ số	Đơn vị	Ngày bắt đầu		Mốc thời gian				
			T-5 (Mốc so sánh)	24/02/2022	25/02/2022	28/02/2022	01/03/2022	02/03/2022	
1	BDI	điểm	1,886	2,187	2,076	2,040	2,069	2,137	
		+/- %	0%	15.96%	10.07%	8.17%	9.70%	13.31%	
2	BDTI	điểm	694	904	1,147	1,343	1,449	1,466	
		+/- %	0%	30.26%	65.27%	93.52%	108.79%	111.24%	
3	BCTI	điểm	676	696	696	731	790	935	
		+/- %	0%	2.96%	2.96%	8.14%	16.86%	38.31%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA TĂNG CHI PHÍ VẬN CHUYỂN TRÊN THẾ GIỚI

2. Sự biến động các chỉ số Baltic và một số mặt hàng quan trọng

2.1. Giá lúa mì

Nga và Ukraine là hai nước xuất khẩu lúa mì hàng đầu trên thế giới, sự leo thang căng thẳng chiến tranh giữa hai quốc gia đã khiến giá lúa mì tăng đột biến lên hơn 1.058 USD/bu. (tăng hơn 20% so với thời điểm trước khi xảy ra sự kiện). Mặt khác chỉ số BDI cũng đã tăng hơn 13% lên hơn 2,100 điểm điều này khiến chi phí vận chuyển hàng hóa khô trên thế giới nói chung sẽ bị tác động đáng kể trong thời gian tới.

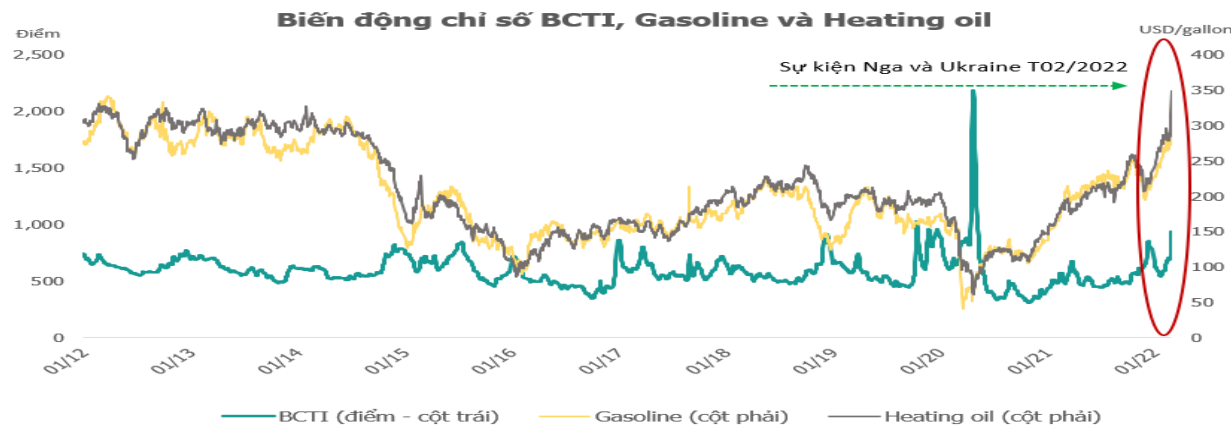
2.2. Giá dầu thô, nhiên liệu

Nga là quốc gia xuất khẩu dầu mỏ lớn thứ 3 thế giới sau UAE và Arap Xê út, với tổng sản lượng xuất khẩu dầu mỏ đạt khoảng 10 triệu thùng/ngày, việc áp đặt các biện pháp trừng phạt lên nền kinh tế Nga cũng như động thái tạm ngưng vận chuyển mới đây của các hãng tàu lớn trên thế giới đã làm giá dầu và chi phí vận chuyển dầu thô tăng đột biến. Giá dầu Brent và WTI đã vượt mốc 110 USD/thùng đồng thời BDTI cũng tăng hơn 111% so với thời điểm chưa xảy ra sự kiện.

Bên cạnh đó, giá nhiên liệu như gas, dầu nhiệt cũng tăng lần lượt 21.39% và 23.52% so với thời điểm trước khi xảy ra chiến dịch quân sự.

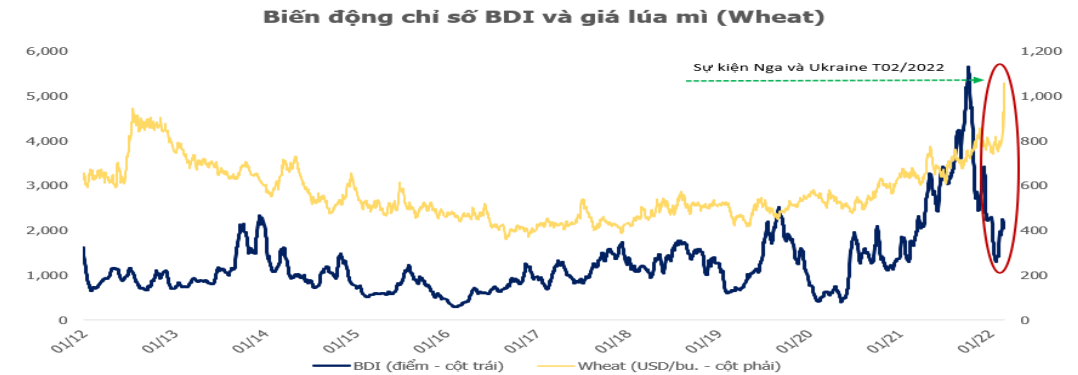
Nhận xét: Chi phí vận chuyển và giá cả các loại mặt hàng hóa quan trọng trên thế giới đang được dự báo bước vào một chu kỳ tăng giá mới nếu bất ổn địa chính trị giữa Nga và Ukraine chưa được giải quyết triệt để. Điều này sẽ tác động đáng kể vào sự hồi phục của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Biểu đồ 5: Biến động chỉ số BCTI, Gasoline và Heating oil



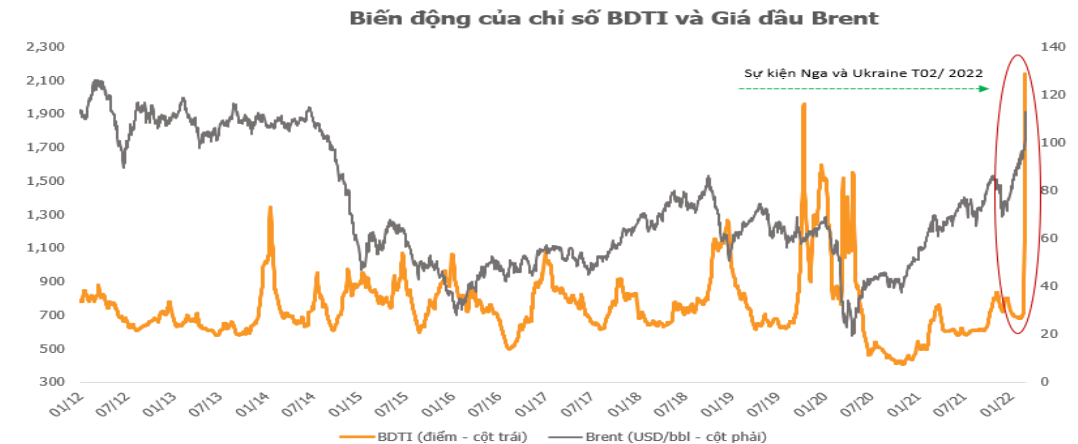
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Biểu đồ 3: Biến động chỉ số BDI và giá lúa mì



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Biểu đồ 4: Biến động chỉ số BDI và giá dầu Brent



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA TĂNG CHI PHÍ VẬN CHUYỂN TRÊN THẾ GIỚI

3. Đánh giá tác động đến Việt Nam

BSC đã đánh giá một số nhóm ngành, Doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ chiến dịch quân sự giữa Nga – Ukraine trong chuyên đề tuần 9, trước việc gia tăng của chi phí vận chuyển trên thế giới cũng như giá cả một số mặt hàng lương thực, nguyên nhiên liệu trên thế giới, BSC đánh giá một số nhóm ngành sau có thể liên quan đến những diễn biến này, cụ thể như sau:

3.1. Nhóm ngành Logistics

a) Cảng biển:

Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với Nga và Ukraine chỉ khoảng 7.8 tỷ USD vào năm 2021, tương ứng 1.2% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Vì chiếm tỷ trọng nhỏ, nên việc gián đoạn giao thương với 2 quốc gia này sẽ không ảnh hưởng đến kim ngạch XNK Việt Nam, từ đó sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển duy trì triển vọng tích cực.

*BSC khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với ngành Cảng biển (**GMD, VSC**) trong năm 2022 do sự tăng trưởng lợi nhuận ở mức cao +24% YoY xuất phát từ việc gia tăng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng ở mức 6%-27% vì sự hồi phục chung toàn ngành và cải thiện hiệu suất ở các cảng.*

b) Vận tải biển:

Nga là quốc gia sản xuất dầu lớn với nguồn cung hiện tại khoảng 10 triệu thùng/ngày, tương ứng 10% nhu cầu toàn cầu. Việc gián đoạn xuất khẩu dầu từ Nga và hoạt động của các đường ống ở Bắc Âu sẽ làm thắt chặt, thiếu hụt nguồn cung toàn cầu từ đó thúc đẩy giá dầu. Vì chi phí nhiên liệu chiếm 40-50% chi phí hoạt động của các doanh nghiệp vận tải biển, nên nếu giá dầu tiếp tục tăng bởi bất ổn chính trị sẽ làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp này. Tuy nhiên vì tình trạng thiếu hụt vẫn đang diễn ra, nên các chủ tàu có khả năng chuyển chi phí sang khách hàng từ đó bảo đảm tỷ suất lợi nhuận hoạt động.

Bất ổn chính trị ở Nga và Ukraine tạo ra rủi ro cho các chủ tàu khi vào cảng 2 quốc gia này, từ đó dẫn tới việc giá cước vận tải các tuyến liên quan đến 2 quốc gia này tăng mạnh do chủ tàu yêu cầu mức phí cao hơn. Các doanh nghiệp vận tải biển ở Việt Nam chủ yếu thực hiện cho thuê tàu định hạn thuộc các tuyến Trung Đông – Nội Á nên việc cước vận tải tuyến Nga và Ukraine tăng sẽ không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp này.

*BSC khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với ngành Vận tải biển (**HAH, PVT**) trong năm 2022 do sự tăng trưởng lợi nhuận ở mức cao +46% YoY vì (1) sản lượng vận tải gia tăng với trọng tải đội tàu tăng lên và (2) giá cước vận tải duy trì ở mức cao.*

3.2. Nhóm ngành lương thực

a) Ngành xuất khẩu gạo:

Từ đầu năm đến 15/02/2022 có tín hiệu tương đối tích cực khi sản lượng và giá trị xuất khẩu tăng lần lượt là 36% và 20% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, sản lượng xuất khẩu sang Nga và Ukraine chỉ chiếm dưới 1% tỷ trọng sản lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam nên chiến sự nổ ra sẽ không ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành. BSC đánh giá ngành lương thực có thể được hưởng lợi xuất phát từ một số yếu tố sau:

+ Gián đoạn nguồn cung lương thực: Nga và Ukraine là hai nước xuất khẩu lúa mì (1/3 sản lượng thương mại thế giới) và ngô hàng đầu thế giới (xuất khẩu ngô của Ukraine chiếm 22% kim ngạch thương mại thế giới), khiến giá cả các loại thực phẩm như bánh mì tăng cao, trong khi thu nhập người dân bị ảnh hưởng đáng kể dẫn tới tăng nhu cầu cho các sản phẩm thay thế có giá thấp hơn như gạo

+ Các quốc gia ngoài chiến sự cũng tăng nhu cầu tích trữ lương thực và sản phẩm thay thế nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

*Do đó, BSC đánh giá **KHẢ QUAN** đối với doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn như: **LTG, TAR, AFX, PAN**,... sẽ được hưởng lợi từ xu hướng tích trữ lương thực trong chiến tranh.*

b) Ngành Mía đường

Bên cạnh đó, ngành Mía đường cũng **KHẢ QUAN (SBT, QNS, LSS)** nhờ giá đường được kì vọng duy trì khả quan dựa vào (1) nguồn cung mía tại Brazil (Quốc gia xuất khẩu đường lớn nhất thế giới) được ưu tiên để sản xuất nhiên liệu sinh học ethanol khi giá nhiên liệu này (+32%YoY) theo xu hướng giá dầu thô tăng 54% YoY, và (2) nhu cầu đường vẫn vượt cung thế giới được kì vọng 3-4 triệu tấn trong niên độ 2021-2022.

*Báo cáo tuần 9 [Link](#)

*Báo cáo VSC [Link](#)

*Báo cáo LTG [Link](#)

*Báo cáo SBT [Link](#)

PTKT VN-INDEX: Tiếp tục tích lũy chờ thông tin trong khoảng 1,485 – 1,515 điểm

Đồ thị ngày: Giao dịch tăng giảm với các phiên rung lắc mạnh, VN-Index vẫn có tuần tăng điểm. Phiên giao dịch cuối tuần hình thành cây nến doji cho thấy dấu hiệu lưỡng lự, chưa xác định sau những phiên biến động. Trong tuần VN-Index đã có thêm phiên giảm dưới SMA50 và nhanh chóng hồi phục trở lại. Dải bollinger band thu hẹp với sự hỗ trợ bởi các đường trung bình động SMA 20 và SMA 50 tăng dần. Hiệu ứng tâm lý từ cuộc xung đột Nga – Ukraine giảm dần thay vào đó là xu hướng vận động tìm cơ hội tại các ngành hưởng lợi từ cuộc xung đột. Chỉ số đang tích lũy chặt chẽ dần nhưng các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức trung tính chưa cho thấy khả năng biến động đột biến trong ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI giữ ở mức 54.
- MACD duy trì trên đường tín hiệu và ngưỡng 0.
- VN-Index giữ trên SMA20 và SMA50

Nhận định: VN-Index vẫn duy trì trên các đường trung bình động SMA 20, SMA 50 sau những nhịp rung lắc mạnh. Dải bollinger đang thu hẹp và hướng lên trên. Chỉ số đang dần nén lại chờ thông tin hỗ trợ để bật tăng kiểm tra đỉnh kỷ lục. Vận động ngành trong tuần qua vẫn khá tích cực, dù vậy VN-Index dự báo còn tiếp tục vận động 1,485 – 1,515 điểm trong tuần tới trong bối cảnh dòng tiền chưa mạnh và thiếu đồng thuận do các yếu tố tiêu cực bên ngoài.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: NHTW NGA (CBR) ĐÃ NÂNG LÃI SUẤT CƠ BẢN TỪ 9.5% LÊN 20%

VIỆT NAM:

- Tổng thu NSNN tháng 2 ước đạt 138,500 tỷ đồng. Lũy kế 2 tháng, ngân sách thu được 270,000 tỷ đồng, bằng 23% dự toán năm và tăng 7.6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi NSNN tháng 2 ước đạt 106,300 tỷ đồng, lũy kế 2 tháng đầu năm ước đạt 228.2 nghìn tỷ đồng, bằng 12.8% dự toán năm và tăng 10.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 163,300 tỷ đồng, tăng 0.9%; chi đầu tư phát triển đạt 44,600 tỷ đồng, tăng 89.9%.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 2 ước tính giảm 12.4% so với tháng trước và tăng 8.5% so với cùng kỳ 2021. So với năm ngoái, khai khoáng giảm 4.1%; chế biến, chế tạo tăng 10%; sản xuất và phân phối điện tăng 8%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, IIP ước tính tăng 5.4% so với cùng kỳ năm trước.
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 2/2022 tăng 1% so với tháng trước, tăng 1.42% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1.2% so với tháng 12/2021. Bình quân 2 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 1.68% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tăng 0.67%.
- Dòng vốn ngoại thực hiện mua vào 586 triệu cổ phiếu trong tháng 2, trị giá 28,345 tỷ đồng, trong khi bán ra 611 triệu cổ phiếu, trị giá 28,588 tỷ đồng. Tổng khối lượng bán ròng ở mức 25 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị bán ròng là 243.4 tỷ đồng (giảm 91% so với tháng trước). Như vậy, khối ngoại đã bán ròng trong 7 tháng liên tiếp với tổng giá trị gần 40,000 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2 ở mức 421,800 tỷ đồng, giảm 7.1% so với tháng trước nhưng tăng 3.1% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 2 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là hơn 876,000 tỷ đồng, tăng 1.7% so với cùng kỳ năm trước.
- Ước thực hiện thu NSNN tháng 2 do cơ quan thuế quản lý ước đạt 118,000 tỷ đồng, đạt 10% so với dự toán pháp lệnh, tăng ấn tượng 32.0% so với cùng kỳ năm 2021. Thu từ dầu thô ước đạt 4,900 tỷ đồng, bằng 17.4% so với dự toán, gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2021. Thu nội địa ước đạt 113,100 tỷ đồng, bằng 9.9% so với dự toán pháp lệnh, bật tăng 30.1% so với cùng kỳ. Trong đó, số thu thuế, phí nội địa ước đạt 88,900 tỷ đồng, bằng 9.7% so với dự toán pháp lệnh, tăng 25.9% so với cùng kỳ năm 2021.

THẾ GIỚI:

- NHTW Nga (CBR) đã nâng lãi suất cơ bản từ 9.5% lên 20%, gấp hơn 2 lần lên mức cao nhất gần 2 thập kỷ. CBR đồng thời tạm thời cấm các công ty môi giới chứng khoán bán cổ phiếu trong danh mục của nhà đầu tư nước ngoài tại Sở giao dịch Moscow.
- Phát hiện Nga đang tìm cách dịch chuyển tài sản từ các tổ chức trên thế giới, Bộ Tài chính Mỹ và Anh cho biết sẽ cấm các cá nhân và doanh nghiệp không thể thực hiện các giao dịch tài chính với NHTW Nga, Quỹ Tài sản Quốc gia Liên bang Nga, và Bộ Tài chính Nga. Lệnh trừng phạt cũng cấm những công ty tài chính nước ngoài gửi tiền vào các cơ quan, tổ chức này.
- Tại Ủy ban Dịch vụ Tài chính Hạ viện, Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết Fed sẽ bám chặt kế hoạch tăng lãi suất vào tháng 3 trong tháng này để kiềm chế lạm phát cao, dù căng thẳng Nga – Ukraine khiến các nhà hoạch định chính sách của Mỹ có cái nhìn không chắc chắn về triển vọng kinh tế. Sau đó, Fed sẽ giảm danh mục trái phiếu chính phủ gần 8,500 tỷ USD vào cuối năm nay.
- Chính phủ Ukraine đã huy động được 270 triệu USD từ đợt phát hành trái phiếu chiến tranh lợi suất 11% và kỳ hạn 1 năm, nhằm đáp ứng nhu cầu của Lực lượng Vũ trang Ukraine và đảm bảo đáp ứng nhu cầu tài chính của Chính phủ. Ukraine đã tìm cách huy động vốn qua nhiều cách khác nhau, bao gồm chấp nhận vốn thông qua các ví tiền ảo.
- Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), lạm phát Khu vực đồng tiền chung châu Âu Eurozone trong tháng 2 tăng lên mức cao kỷ lục 5.8% từ mức 5.1%. Giá năng lượng tháng 2 tăng 31.7%, nhanh hơn mức 28.8% ghi nhận trong tháng 1/2022. Giá thực phẩm cũng tăng 4.1% trong tháng 2 so với mức 3.5% của tháng trước đó.
- Hai nhà cung cấp chỉ số MSCI Inc. và FTSE Russell sẽ loại cổ phiếu Nga khỏi các chỉ số chứng khoán được theo dõi vào hàng nhiều nhất trên toàn cầu. Trong khi đó, Cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đã hạ xếp hạng chỉ số vỡ nợ ngoại tệ trong dài hạn của Nga từ mức “BBB” xuống mức “B” dựa trên mức độ nghiêm trọng của các lệnh trừng phạt quốc tế và tình hình đóng băng tài sản của Nga.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Mùa đại hội cổ động, vận động dòng tiền trước mùa công bố thông tin.
- Diễn biến xung đột Nga – Ukraine và tác động tiêu cực từ lệnh trừng phạt Nga.
- Ngày 7/3, Đơn đặt hàng và doanh thu bán lẻ Đức. 8/3, Tỷ lệ thất nghiệp và GDP điều chỉnh EU; Cán cân thương mại Hoa Kỳ. 9/3, GDP lần cuối Nhật Bản; CPI Trung Quốc và Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 10/3, Biên bản chính sách tiền tệ ECB; CPI Hoa Kỳ. 11/3, Tỷ lệ thất nghiệp Canada; Tâm lý tiêu dùng Hoa Kỳ.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
27/2/22	DGW	120.9	141	110	121.3	5	0.33%	Có thể tiếp tục mua
27/2/22	PHP	26.9	33	24	29.8	5	10.78%	Có thể tiếp tục mua
20/2/22	ELC	23.5	28	21.75	23.9	12	1.70%	Có thể tiếp tục mua
20/2/22	PC1	37.65	42	35	38.5	12	2.26%	Có thể tiếp tục mua
11/2/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	33.3	21	12.88%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	PVI	49.2	54	45	50.1	33	1.83%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	HCM	37.15	43	34	38.05	33	2.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/2/22	TDC	26.55	31.7	24.1	SL	16	-9.23%
30/1/22	VND	69	76	64	TP	28	10.14%
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	SL	14	-7.49%
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	SL	14	-8.99%
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	TP	44	15.74%
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	SL	67	-2.79%
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	SL	77	-9.26%
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	SL	42	-7.89%
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%

Chú thích:
 Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời
SL - Đã cắt lỗ

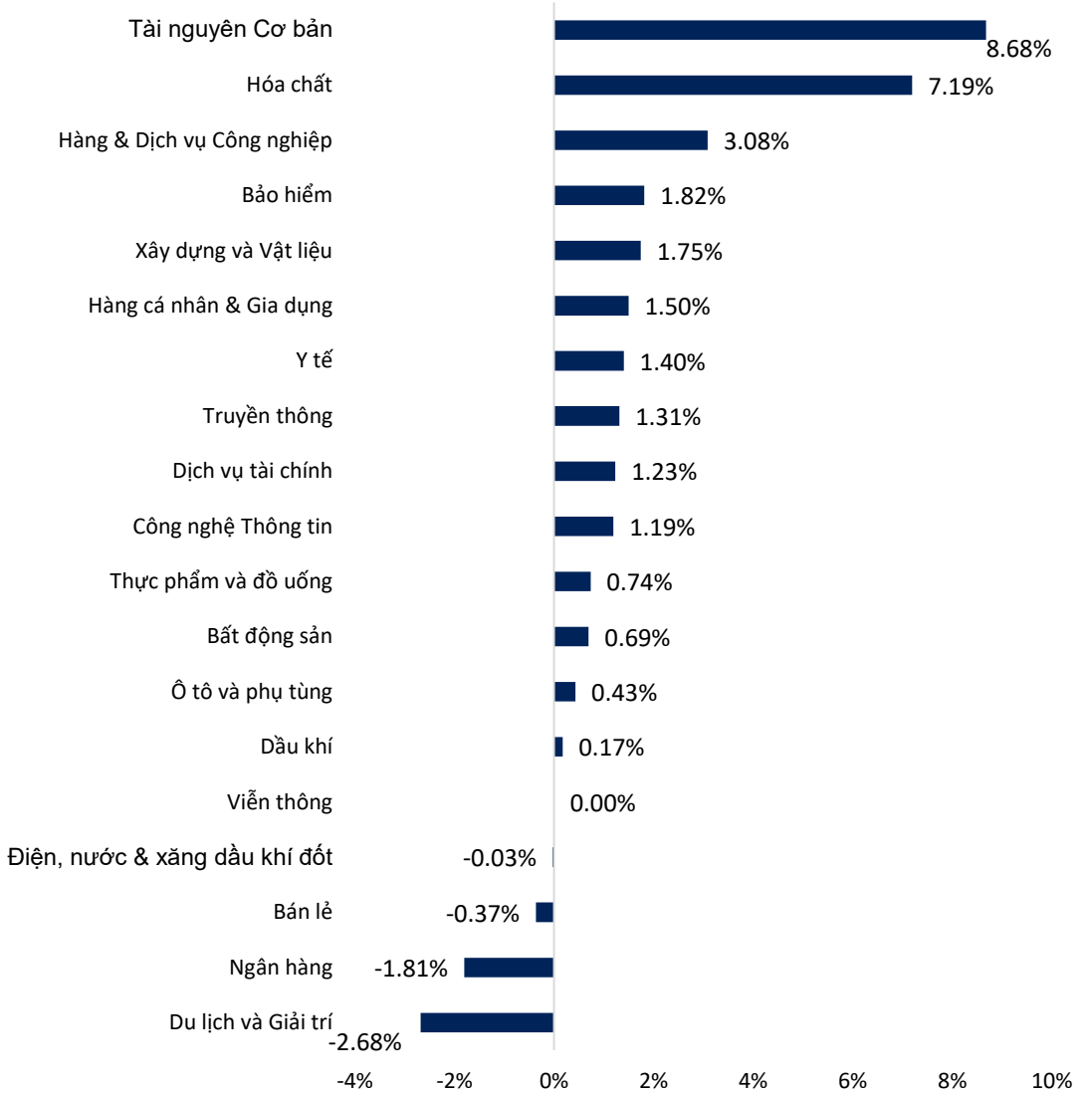
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	7	0	4.60%	0.00%	4.60%	17
Đã chốt	142	113	15.76%	-8.01%	5.22%	30



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Tài nguyên Cơ bản	-0.66%	8.68%	19.24%	HPG	8.50%	
Hóa chất	-0.25%	7.19%	21.27%	DRC	2.98%	DGC 9.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.23%	3.08%	14.36%	GDM	8.91%	VSC 5.08%
Bảo hiểm	0.80%	1.82%	7.51%	BVH	1.19%	PVI 0.60%
Xây dựng và Vật liệu	1.34%	1.75%	8.59%	CTD	-5.49%	HT1 4.81%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	115.68	7.44%	26.30%	33.80%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	118.11	6.93%	25.49%	34.03%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	354.40	7.90%	23.31%	32.42%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,970.70	1.79%	4.31%	9.07%		PNJ
Bạc	USD/oz.	25.70	2.09%	5.88%	13.44%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,660.50	-0.43%	4.80%	8.23%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	1,209.00	6.61%	40.62%	56.20%		AFX
Sữa	USD/cwt	22.55	0.53%	2.97%	5.62%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	253.60	-1.67%	-2.98%	3.59%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	19.35	2.22%	9.94%	7.32%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	224.25	0.61%	-6.03%	-5.50%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	10,674.00	3.12%	8.11%	8.48%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,881.00	-0.10%	-0.10%	4.12%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	3,849.00	3.57%	14.64%	28.90%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	812.50	2.78%	2.78%	6.14%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	395.05	14.36%	94.18%	135.36%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	828.07	0.44%	0.44%	8.93%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



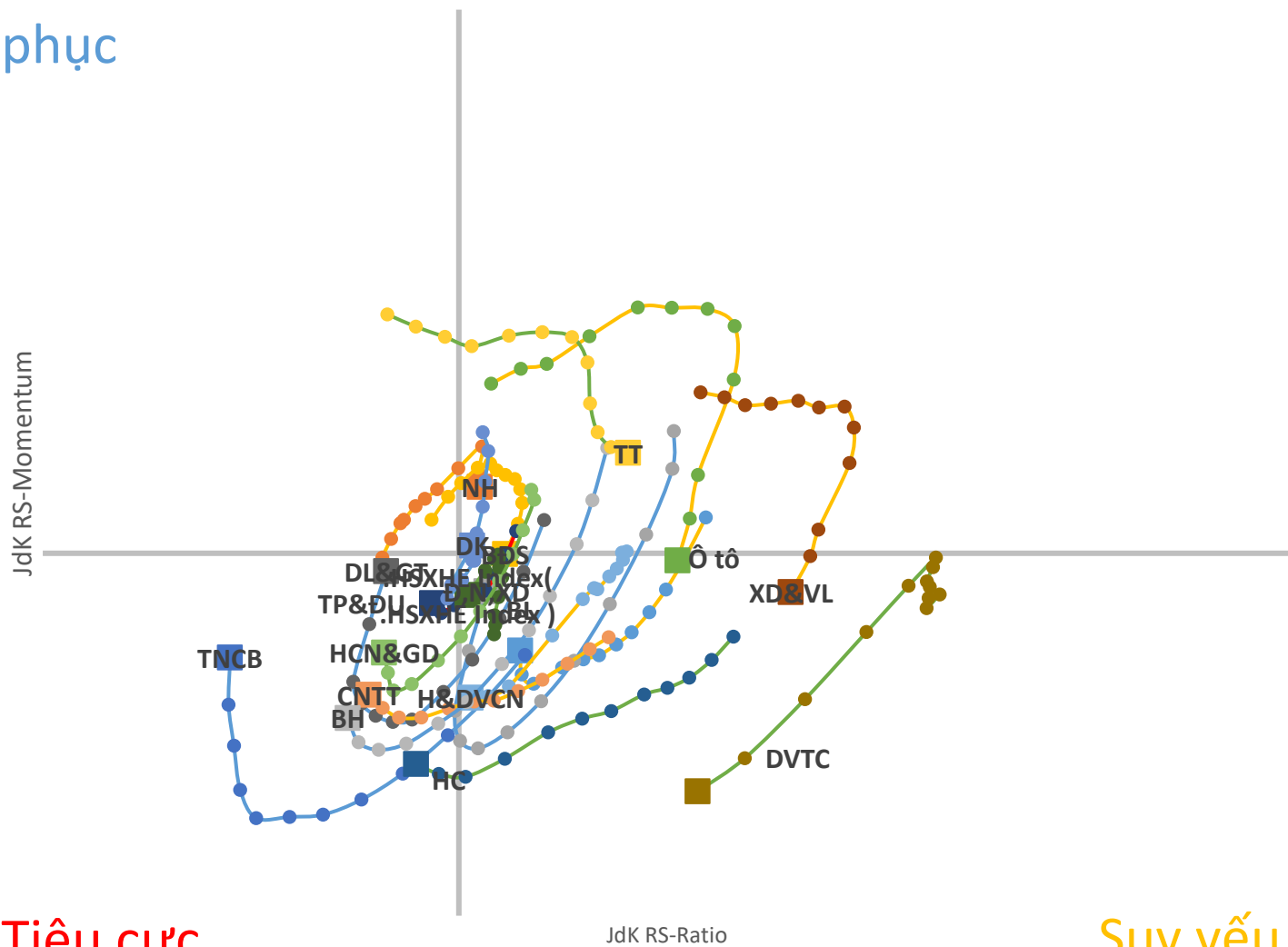
VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Vận động ngành				
Ngành	Ký hiệu	Ratio	Moment	12W%Δ
Ngân hàng	NH	101.021	101.83	-1.4%
Truyền thông	TT	108.1431	102.76	6.4%
Dầu khí	DK	100.6455	100.21	6.2%
Bán lẻ	BL	102.962	97.31	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	Đ,N,XD	101.3331	98.95	10.2%
Bất động sản	BĐS	102.2259	99.98	-2.9%
Ô tô và phụ tùng	Ô tô	110.5174	99.80	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	XD&VL	115.9645	98.92	8.0%
Dịch vụ tài chính	DVTC	111.4813	93.43	-11.8%
Y tế	Y tế	100.42	98.84	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	H&DV CN	100.58	96.01	-7.4%
Tài nguyên Cơ bản	TNCB	89.0085	97.12	-4.5%
Hóa chất	HC	97.95022	94.18	-7.4%
Du lịch và Giải trí	DL>	96.51	99.50	5.7%
Thực phẩm và đồ uống	TP&ĐU	98.73	98.62	-2.6%
Công nghệ Thông tin	CNTT	95.67607	96.09	-7.3%
Bảo hiểm	BH	94.66845	95.45	-10.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	HCN&GD	96.42141	97.26	-3.7%

Hồi
phục

Ma trận tương quan giữa các ngành vs VN-Index

Tích cực



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
HPG	0.08497	4.46019
GVR	0.05882	2.05
DIG	0.09194	1.04
MSN	0.02089	1.00
DCM	0.16474	0.77
DGC	0.09765	0.69
SSB	0.04683	0.64
DPM	0.11874	0.64
HSG	0.13808	0.62
NKG	0.18039	0.41672
Tổng		12.326

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
CTG	-0.0325	-1.35376
SAB	-0.0481	-1.32737
BID	-0.02806	-1.28749
MBB	-0.03519	-1.1604
EIB	-0.09742	-1.07471
BCM	-0.03898	-0.84782
VJC	-0.03928	-0.7892
TCB	-0.01479	-0.67455
HDB	-0.04274	-0.6424
VIB	-0.03376	-0.63586
Tổng		-9.79356

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VPB	839.67	15.00
FUEVFN	444.54	
DGC	175.65	8.53
DCM	129.45	5.96
DPM	100.58	9.04
STB	97.29	19.11
NKG	92.72	7.15
MSN	71.96	28.75
VND	69.06	19.88
HSG	53.60	7.08
Tổng	2,074.53	

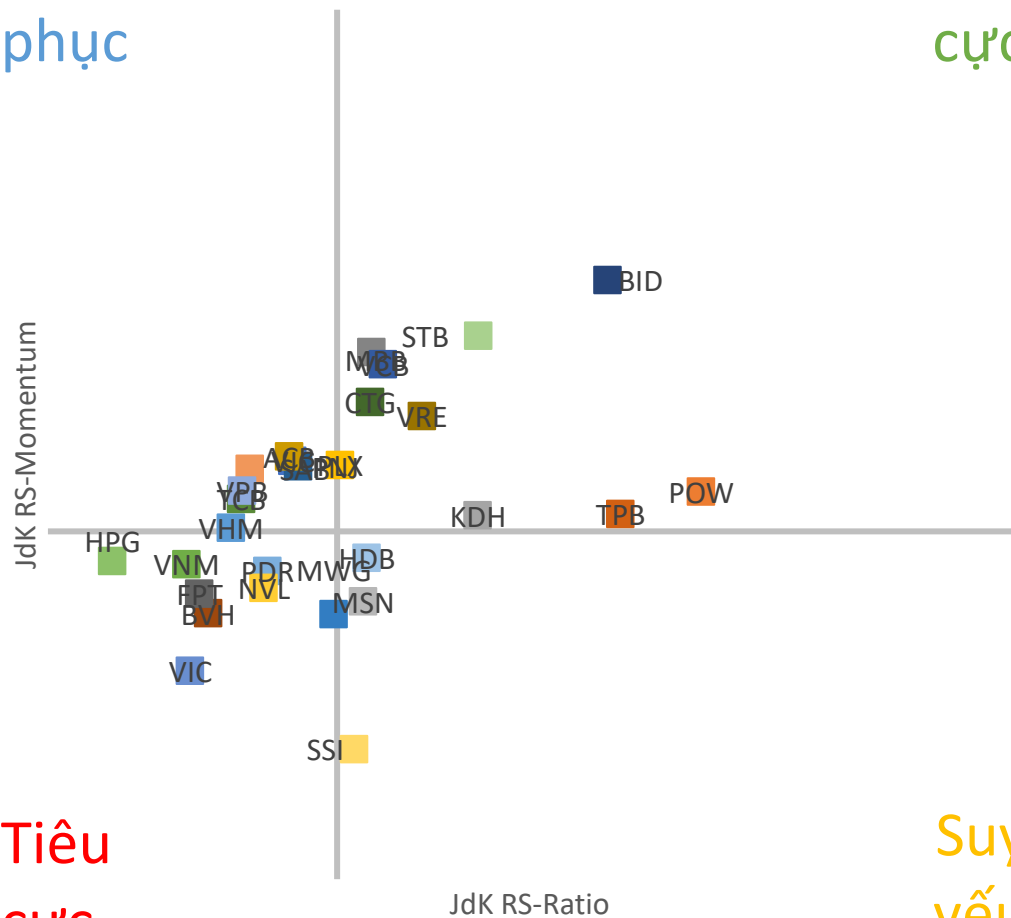
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-956.66	22.94
VIC	-329.95	12.90
CTG	-288.81	25.83
HDB	-275.16	16.47
GAS	-142.26	2.90
NVL	-107.81	7.01
VNM	-94.31	54.34
PVT	-93.81	11.59
POW	-88.27	2.39
KBC	-76.64	18.36
Tổng	-2453.70	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	118.8928	101.1362	22.26%
KDH	107.307	100.4559	17.93%
PLX	100.1594	101.8969	14.63%
BVH	93.31801	97.6374	1.53%
VRE	104.4099	103.3124	13.83%
BID	114.0389	107.2219	22.67%
CTG	101.7247	103.7177	0.00%
TPB	114.6988	100.4947	5.79%
MBB	101.7907	105.1453	13.06%
VCB	102.3879	104.7987	9.66%
GAS	100.0163	101.8358	22.15%
STB	107.3269	105.6172	9.22%
VHM	94.49861	100.0938	-5.35%
VJC	97.69826	102.0198	15.78%
PNJ	97.9921	101.8619	9.15%
SAB	95.4902	101.7926	7.37%
ACB	97.52132	102.1501	2.69%
TCB	95.02722	100.926	-3.38%
VPB	95.07887	101.1607	2.97%
MSN	101.3536	97.9782	5.11%
HDB	101.5479	99.23348	-8.79%
SSI	100.8978	93.73107	-13.70%
VNM	92.19144	99.05274	-8.23%
FPT	92.86768	98.20266	-3.81%
PDR	96.39122	98.85153	-8.31%
NVL	96.2023	98.3682	-11.75%
VIC	92.37955	95.98898	-23.38%
HPG	88.33996	99.13919	2.47%
MWG	99.82811	97.61158	1.27%
GVR	91.16289	95.71192	-4.00%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	2,603.78	8,080.35	34,393.64
Giá trị bán	2,129.31	8,869.83	34,728.00
Mua / bán ròng	474.47	-789.47	-334.32
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,034.34	2,707.48	8,733.27
Giá trị bán	385.99	2,230.88	8,181.19
Mua / bán ròng	648.35	476.60	552.08
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VPB	143.12	FUEVFN30	-489.07
TAC	131.26	STB	-57.99
HPG	91.09	HSG	-45.61
FPT	79.65	VRE	-32.29
TCB	78.01	FUESSVFL	-13.93
ACB	73.26	KHG	-8.60
PNJ	66.50	BVH	-7.13
MBB	63.68	DPM	-5.01
VIC	52.95	KSB	-4.57
MSN	42.94	GVR	-4.20

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	546.13	19.75	0.00	-1.27%	0.00	0.00	-10.22
FTSE	375.01	44.96	0.00	-2.08%	-0.50	-6.17	-10.03
iShare	503.35	0.00	0.00	0.00%	0.00	0.00	0.00
E1VFN30	442.49	1.13	-2.00	-1.44%	-0.5	-29.8	-46.6
FUEVFN30	636.84	1.27	0.60	-0.62%	-1.3	18.1	35.1
FUBON FTSE	503.10	0.61	0.00	-0.58%	0.0	54.1	35.9
FUESSVFL	167.73	0.99	0.00	-0.20%	2.5	8.2	18.2
FUESSVN30	4.82	0.83	0.00	-2.49%	0.0	0.1	0.3
FUEMAVN30	30.56	0.79	0.00	-0.59%	0.0	0.0	-0.2
VN100	7.62	0.88	0.00	-0.13%	0.88	0.87	1.57
KIM	181.98	19.57	0.00	-2.04%	0.00	0.00	-9.77
PREMIA	30.38	12.87	0.00	-2.19%	0.00	0.00	-1.32

Nhận định: ETF Diamond tăng mạnh quy mô trong khi ETF E1 giảm quy mô. Khối ngoại bán trái chiều tại nhiều nước trong khu vực. 📊

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



PHỤ LỤC: ETFs FTSE quý I năm 2022

Ngày 4/3/2022, FTSE Russell công bố danh mục điều chỉnh trong quý I năm 2022, theo đó:

- FTSE Vietnam All-share Index bổ sung cổ phiếu BCG, FRT, SHB, VCG, VND và không loại cổ phiếu nào.
- FTSE Vietnam thêm mới DPM, VCG, VND và không loại cổ phiếu nào.
- Quỹ sẽ giao dịch từ 7/3 – 18/3/2022.

Danh mục FTSE VN dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	HPG	12.40%	(1,486,582)	(714,819)	
2	VHM	12.20%	(1,507,023)	(441,334)	
3	VIC	10.60%	(2,530,997)	(746,020)	
4	MSN	10.00%	(976,901)	(142,127)	
5	NVL	6.10%	(69,074)	(20,819)	
6	VNM	5.90%	(4,144,891)	(1,199,904)	
7	VRE	4.50%	(513,844)	(348,125)	
8	VCB	3.80%	(247,312)	(66,426)	
9	SSI	3.80%	(718,781)	(356,968)	
10	VJC	2.70%	(315,270)	(51,073)	
11	DIG	2.50%	958,942	253,071	
12	STB	2.20%	(251,614)	(173,840)	
13	GEX	2.10%	(258,371)	(142,676)	
14	VND	2.00%	7,429,618	2,139,881	Thêm
15	PDR	2.00%	(1,832,216)	(489,223)	
16	KDH	2.00%	80,528	34,549	
17	KBC	1.90%	349,619	138,240	
18	DGC	1.60%	(212,361)	(29,551)	
19	PLX	1.50%	78,627	28,644	
20	DXG	1.50%	(169,643)	(91,022)	
21	VCI	1.20%	(1,867,130)	(679,109)	
22	VCG	1.10%	4,136,474	2,173,181	Thêm mới
23	HSG	1.10%	309,011	182,876	
24	DPM	1.10%	3,988,806	1,571,700	Thêm mới
25	POW	1.00%	(124,747)	(163,184)	
26	PVD	0.90%	55,508	36,098	
27	TCH	0.80%	(111,586)	(118,621)	
28	SBT	0.80%	99,074	99,495	
29	APH	0.50%	(147,866)	(127,846)	



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

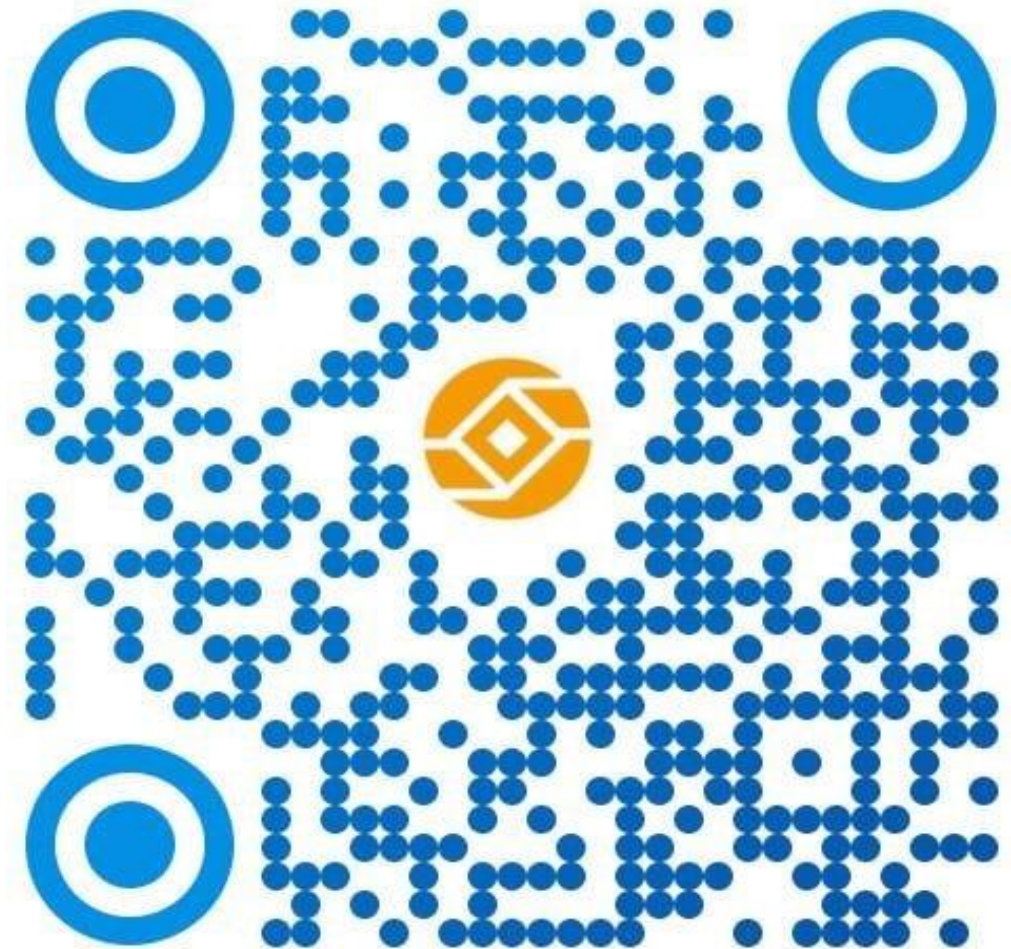
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

